TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ VANG** **TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2020/QĐST-HNGĐ	*Hòa Vang, ngày 26 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 183/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 giữa :

- **Nguyên đơn**: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.

- **Bị đơn**: Ông Lê Văn T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Q và ông Lê Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Q và ông Lê Văn T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà Trần Thị Q và ông Lê Văn T xác nhận có 01 con chung là Lê Trần Lan H, sinh ngày 10/4/2017. Ly hôn bà Q sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi con chung, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 3/2020, cấp dưỡng vào ngày 5 hàng tháng.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả

tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Q và ông Lê Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí HNGĐ-ST: 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* và án phí cấp dưỡng 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* bà Trần Thị Q tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* bà Trần Thị Q đã nộp theo biên lai thu số 2574 ngày 10/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Thị Q đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Hòa Vang;
- UBND xã H;
(Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2019 ngày 30/5/2019);
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diệp